

ĐTH HCL

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ GDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2563/QĐ-BGDĐT ngày 10/7/2018 của Bộ GDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3778/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ GDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3779/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ GDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2018 của Bộ GDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4863/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2018 của Bộ GDĐT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 102/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 01 năm 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*danh mục & nội dung đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trong đó có một số thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung cụ thể như sau:

#### 1. Cấp tỉnh

##### a) Ban hành mới 01 thủ tục thuộc Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục

##### b) Sửa đổi 13 thủ tục cụ thể như sau:

##### - Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” **thành** “Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học” **thành** “Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non” **thành** “Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Thành lập trường phổ thông trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông trung học tư thục” **thành** “Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động” **thành** “Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Giải thể trường trung học phổ thông” **thành** “Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục” **thành** “Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập **hoặc** cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục” (*theo Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2018 của Bộ GDĐT*).

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động” **thành** “Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Xin học lại trường khác” **thành** “Xin học lại trường khác đối với học sinh trung học”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa” **thành** “Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa”

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông” **thành** “Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông”.

+ **Sửa đổi tên, thành phần sơ sơ của thủ tục** “Chuyển trường đối với học sinh trung học” **thành** “Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông”

**- Lĩnh vực Giáo dục dân tộc:**

+ Sửa đổi Lĩnh vực Giáo dục dân tộc **thay đổi thành** Lĩnh vực Quy chế tuyển sinh

+ Sửa đổi tên thủ tục “Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT” **thành** “Xét tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)”.

**2. Cấp huyện:**

**a) Ban hành mới 11 thủ tục cụ thể như sau:**

**- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 10 thủ tục**

+ Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở

+ Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục

+ Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)

+ Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã

+ Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu

+ Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập

+ Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập

+ Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập

+ Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi

**- Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ: 01 thủ tục**

+ Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc

**b) Sửa đổi tên 01 thủ tục thuộc Lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:**

+ Sửa đổi tên thủ tục “Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở” **thành** “Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục”.

**3. Cấp xã: sửa đổi tên 03 thủ tục thuộc Lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:**

+ Sửa đổi tên thủ tục “Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục” **thành** “Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập”.

+ Sửa đổi tên thủ tục “Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục” **thành** “Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập”

+ Sửa đổi tên thủ tục “Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục” **thành** “Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)”.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4.** Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh; UBND cấp xã, phường, thị trấn; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Cao Tiến Dũng**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                 | <b>Trang</b> |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>A</b>         | <b>CẤP TỈNH</b>                                                                                                                                                                               |              |
| <b>I</b>         | <b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>                                                                                                                                                           |              |
| 1                | Phê duyệt liên kết giáo dục                                                                                                                                                                   |              |
| 2                | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục                                                                                                                                               |              |
| 3                | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết                                                                                                                        |              |
| 4                | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                     |              |
| 5                | Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                 |              |
| 6                | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                        |              |
| 7                | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |              |
| 8                | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                               |              |
| 9                | Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                    |              |
| 10               | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                     |              |
| 11               | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                             |              |
| 12               | Công nhận trường Trung học đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                 |              |
| 13               | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                              |              |

|    |                                                                                                                    |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 14 | Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                    |  |
| 15 | Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia                                                                        |  |
| 16 | Công nhận Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia                                                                       |  |
| 17 | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục           |  |
| 18 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục                                                             |  |
| 19 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại                                                              |  |
| 20 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông                                                                     |  |
| 21 | Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)                           |  |
| 22 | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục |  |
| 23 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục                                                      |  |
| 24 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại                                                       |  |
| 25 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên                                                              |  |
| 26 | Giải thể trường Trung học phổ thông chuyên                                                                         |  |
| 27 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục            |  |
| 28 | Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú                                                               |  |
| 29 | Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)             |  |
| 30 | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học                                                         |  |
| 31 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục                                                           |  |
| 32 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại                                                   |  |
| 33 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học                                                                  |  |
| 34 | Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)    |  |
| 35 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục                                       |  |
| 36 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại                                        |  |

|    |                                                                                                                                               |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 37 | Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục                                              |  |
| 38 | Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm                                                                                                 |  |
| 39 | Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp                                       |  |
| 40 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp                            |  |
| 41 | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp                                        |  |
| 42 | Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục                               |  |
| 43 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học                                                                                  |  |
| 44 | Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên                                                                   |  |
| 45 | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người                                                         |  |
| 46 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh                                                       |  |
| 47 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số                                                   |  |
| 48 | Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp, trường cao đẳng) |  |
| 49 | Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng)                     |  |
| 50 | Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại                                                                                         |  |
| 51 | Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học                                                                  |  |
| 52 | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học                                                                                        |  |
| 53 | Giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục                                                                 |  |
| 54 | Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông                                                                                            |  |
| 55 | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa                                                           |  |

|            |                                                                                                                             |  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 56         | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa                                         |  |
| 57         | Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên                                             |  |
| 58         | Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông    |  |
| 59         | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục |  |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh</b>                                                                                     |  |
| 60         | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)                                      |  |
| 61         | Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông                                                                                     |  |
| 62         | Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia                                                                                 |  |
| <b>III</b> | <b>Hệ thống văn bằng, chứng chỉ</b>                                                                                         |  |
| 63         | Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp                                                 |  |
| 64         | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc                                                                                   |  |
| 65         | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ                                                                                      |  |
| <b>B</b>   | <b>CẤP HUYỆN</b>                                                                                                            |  |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>                                                                                         |  |
| 1          | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục                            |  |
| 2          | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                          |  |
| 3          | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại                                                                           |  |
| 4          | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở                                                                                 |  |
| 5          | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)                                        |  |
| 6          | Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                                  |  |
| 7          | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                       |  |
| 8          | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục                                              |  |
| 9          | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                 |  |
| 10         | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                         |  |

|    |                                                                                                                                               |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 11 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                                          |  |
| 12 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).                                               |  |
| 13 | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                         |  |
| 14 | Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                        |  |
| 15 | Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục                                                                                  |  |
| 16 | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục |  |
| 17 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                          |  |
| 18 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                                                                  |  |
| 19 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                 |  |
| 20 | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người                     |  |
| 21 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.         |  |
| 22 | Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                                                   |  |
| 23 | Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở                                             |  |
| 24 | Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu                                                                                        |  |
| 25 | Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở                                                       |  |
| 26 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)                                       |  |
| 27 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                           |  |
| 28 | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ                                                                                           |  |
| 29 | Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã                                                                                       |  |
| 30 | Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu                                                                                        |  |
| 31 | Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập                                                               |  |

|           |                                                                                               |  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 32        | Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập                |  |
| 33        | Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi                                     |  |
| 34        | Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi                                      |  |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực: Hệ thống văn bản, chứng chỉ</b>                                                  |  |
| 35        | Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ                                                         |  |
| 36        | Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc                                                      |  |
| <b>C</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>                                                              |  |
|           | <b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>                                                           |  |
| 1         | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                         |  |
| 2         | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                      |  |
| 3         | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                            |  |
| 4         | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                           |  |
| 5         | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) |  |